

Số: 175/CTr-UBND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 5 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

Về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 83-NQ/TU ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 83-NQ/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình triển khai thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 83-NQ/TU nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; thu hút đầu tư có chọn lọc, khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, số và hiện đại; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

2. Yêu cầu

Cụ thể hóa mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 83-NQ/TU liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh thành các nhiệm vụ cụ thể, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

Phân công thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo nguyên tắc một nhiệm vụ - một cơ quan chủ trì - các cơ quan phối hợp; khả thi, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, thuận lợi cho kiểm tra, giám sát và đánh giá. Chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh Tuyên Quang theo hướng chủ động, toàn diện, hiệu quả và bền vững, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, số và hiện đại; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra; đồng thời nâng cao năng lực, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng của tỉnh trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về nhận thức và năng lực lãnh đạo, quản lý

Phấn đấu 100% cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, thống nhất về vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tập trung hoàn thiện cơ chế, quy định về quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại, đảm bảo mọi hoạt động được lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý chặt chẽ, đúng thẩm quyền và quy định. Đồng thời, nâng cao năng lực tham mưu, dự báo và tổ chức thực hiện; hằng năm đảm bảo 100% đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về hội nhập quốc tế.

2.2. Về hội nhập kinh tế quốc tế và huy động nguồn lực phục vụ phát triển

Đẩy mạnh hội nhập kinh tế gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cho doanh nghiệp địa phương. Phấn đấu đến năm 2030, chỉ số đánh giá thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) của tỉnh đạt từ 26 điểm trở lên theo Bộ chỉ số do Bộ Công Thương chủ trì theo dõi, đánh giá. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng, ưu tiên các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường. Hằng năm, tổ chức từ 02 - 03 hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch quốc tế thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2030, đàm phán ký kết mới ít nhất 03 - 05 chương trình hợp tác quốc tế; có ít nhất 01 - 02 sản phẩm chủ lực tiếp cận ổn định thị trường quốc tế và hình thành các mô hình hợp tác hiệu quả trong nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh và chuyển đổi số. Cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; công khai 100% thông tin quy hoạch, chính sách trên các cổng thông tin và phấn đấu 100% hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến yếu tố nước ngoài được giải quyết trực tuyến toàn trình.

2.3. Về mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế

Tiếp tục củng cố, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam và các đối tác truyền thống của tỉnh; bảo đảm 100% thỏa thuận quốc tế được theo dõi, đánh giá định kỳ và triển khai thực chất, hiệu quả. Đồng thời chủ động thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với 10 đến 20 đối tác quốc tế có tiềm năng, phù hợp với định hướng phát triển và khả năng tiếp nhận của tỉnh, trong đó ưu tiên các đối tác hợp tác trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo, du lịch. Chủ động tham gia và triển khai hiệu quả các cơ chế hợp tác đa phương, mạng lưới hợp tác khu vực và quốc tế theo định hướng của Trung ương, từ đó từng bước nâng cao vị thế, hình ảnh và mức độ hiện diện quốc tế của tỉnh Tuyên Quang trên trường quốc tế.

2.4. Về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, môi trường, du lịch, lao động, việc làm, tư pháp, giao thông vận tải

Từng bước mở rộng thị trường du lịch quốc tế; phấn đấu đến năm 2030 khách du lịch quốc tế chiếm từ 10 - 12% trong tổng số khoảng 6 triệu lượt khách; xây dựng thành công 02 điểm du lịch đạt tiêu chuẩn ASEAN; hằng năm có ít nhất 01 điểm du lịch được công nhận danh hiệu quốc tế; đồng thời, ký kết hợp tác với 05 - 10 đối tác thuộc Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Hình thành và phát triển một số sản phẩm du lịch đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, gắn với giá trị văn hóa, lịch sử đặc trưng của tỉnh; tăng cường hợp tác quốc tế trong quảng bá, xúc tiến và phát triển du lịch bền vững.

Thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; từng bước tiếp nhận, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ số và công nghệ tiết kiệm năng lượng vào sản xuất, quản lý và cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt với các đối tác Trung Quốc trong lĩnh vực y học cổ truyền và phát triển dược liệu; tiếp nhận, chuyển giao thiết bị và kỹ thuật hiện đại; phối hợp triển khai các chương trình y tế dự phòng và xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Mở rộng hợp tác đào tạo với các đối tác Trung Quốc (Vân Nam, Quảng Tây), Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc...; thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở giáo dục của tỉnh với các đối tác nước ngoài. Phấn đấu có ít nhất 02 - 03 chương trình đào tạo đạt hoặc tiếp cận chuẩn khu vực, quốc tế; 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ lực triển khai liên kết đào tạo hoặc cấp chứng chỉ với đối tác nước ngoài và thu hút khoảng 10 - 15% học sinh, sinh viên tham gia các chương trình chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tiếp tục triển khai hiệu quả thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới với Trung Quốc và chương trình lao động thời vụ tại Hàn Quốc; kết nối, ký kết thỏa thuận hợp tác về đào tạo và cung ứng lao động, mở rộng thị trường lao động tại các thị trường như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Liên minh châu Âu (EU), Úc.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, đặc biệt với các địa phương của Trung Quốc; kịp thời phối hợp giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến người dân sinh sống tại khu vực biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc hòa bình, hữu nghị, ổn định, cùng phát triển.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; kịp thời cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

b) Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, về nhận thức, trách nhiệm, sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và vận dụng các nền tảng trực tuyến trong công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm các hoạt động đối ngoại được triển khai đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định.

2. Hoàn thiện quy định, cơ chế phối hợp và nâng cao hiệu lực quản lý thống nhất về công tác đối ngoại

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, rõ thẩm quyền, trách nhiệm và quy trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, dự báo, phối hợp liên ngành; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

b) Nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin giữa các sở, ngành và địa phương trong công tác đối ngoại; qua đó chủ động nhận diện, nắm bắt tình

hình, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu chiến lược, phân tích, dự báo tình hình quốc tế, khu vực và các yếu tố tác động đến tỉnh; chủ động đề xuất định hướng, lĩnh vực và đối tác hợp tác phù hợp với mục tiêu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

3. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển

a) Tích cực vận động, thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, trong đó tập trung thu hút các dự án trong khu vực kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng logistic, trung tâm đổi mới sáng tạo và lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch,... Triển khai hiệu quả các kế hoạch của tỉnh thực hiện các hiệp định thương mại tự do. Mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động đối ngoại gắn với hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư; khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và Nhân dân vào các hoạt động ngoại giao kinh tế.

b) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc tế, bao gồm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA); ưu tiên các dự án có quy mô vốn lớn, hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa; phát triển các khu công nghiệp sinh thái, thông minh, logistics, kết cấu hạ tầng, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, tăng cường năng lực hấp thụ, quản lý và triển khai dự án; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, bảo đảm sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn lực quốc tế.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực hội nhập quốc tế; tăng cường cung cấp thông tin, tư vấn về thị trường, tiêu chuẩn và quy định quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia các chuỗi giá trị; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm chất lượng, đặc trưng của tỉnh ra thị trường nước ngoài. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế, tổ chức và doanh nghiệp thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia, như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và một số nước phát triển khác. Thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và giá trị kinh tế cao, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh. d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án có yếu tố nước ngoài; tăng cường năng lực điều

phối, theo dõi, giám sát và đánh giá việc sử dụng nguồn lực quốc tế; bảo đảm triển khai đúng mục tiêu, tiến độ và quy định pháp luật; chủ động đánh giá, kiểm soát rủi ro trong hội nhập quốc tế, không đánh đổi môi trường, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và lợi ích lâu dài của tỉnh để lấy tăng trưởng kinh tế ngắn hạn. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

e) Thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh; tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, logistics, phát triển mô hình cửa khẩu số theo hướng thông minh, hiện đại. Mở rộng hợp tác thương mại, vận tải và du lịch biên giới với tỉnh Vân Nam, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả thị trường biên mậu, nhất là đối với nông sản và các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

g) Khai thác hiệu quả nguồn lực chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân trong và ngoài nước, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, hỗ trợ triển khai các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, tư pháp, khoa học và công nghệ, y tế, giao thông vận tải, môi trường, du lịch và lao động, việc làm

a) Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa, lịch sử, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh Tuyên Quang đến với bạn bè quốc tế; đảm bảo các hoạt động hợp tác, quảng bá phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ứng dụng công nghệ số trong truyền thông đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của tỉnh.

b) Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, triển khai chương trình trao đổi chuyên gia, cán bộ, học sinh, sinh viên; tiếp nhận tiến bộ khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

c) Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp, hòa giải dân sự, hòa giải thương mại, trao đổi kinh nghiệm về giải quyết các tình huống thực tiễn trong hòa giải dân sự ở khu vực biên giới; lồng ghép nội dung hòa giải các tranh chấp dân sự và chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật các xã biên giới; nghiên cứu thúc đẩy, sớm đàm phán ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Sở Tư pháp Tuyên Quang, Việt Nam với Sở Tư pháp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

d) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, đối tác quốc tế như JICA (Nhật Bản), KOICA (Hàn Quốc), AFD (Pháp)... để tranh thủ tối đa các nguồn lực từ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Kết nối với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước như

Tập đoàn FPT, VNPT, Viettel... để triển khai các giải pháp công nghệ mới, phù hợp điều kiện phát triển thực tiễn của tỉnh. Thu hút và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh Tuyên Quang trong thời kỳ mới.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế, nhất là đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, y tế dự phòng và quản lý thiết bị y tế. Tích cực, chủ động hợp tác với các tổ chức, đối tác Trung Quốc trong lĩnh vực y học cổ truyền, nghiên cứu, phát triển và chế biến dược liệu, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị trong lĩnh vực dược phẩm.

g) Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch quốc tế gắn với sản phẩm du lịch đặc trưng; tập trung thị trường trọng điểm và tiềm năng; tăng cường hợp tác với hãng lữ hành, nền tảng du lịch quốc tế; từng bước xây dựng thương hiệu du lịch Tuyên Quang trên thị trường quốc tế, bảo đảm có chỉ tiêu đo lường cụ thể.

h) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lao động - việc làm. Tiếp tục khai thác và đưa lao động đi làm việc ở các thị trường có thu nhập cao, tình hình an ninh chính trị và kinh tế - xã hội ổn định, ít rủi ro cho người lao động, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức,...; triển khai hiệu quả Chương trình thỏa thuận hợp tác đưa lao động của tỉnh đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc và hợp tác về quản lý lao động qua biên giới theo thỏa thuận đã ký kết với các địa phương của Trung Quốc theo quy định.

5. Tăng cường hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh và hợp tác khu vực biên giới

a) Triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh theo đúng chủ trương, phân cấp và quy định của Trung ương; phát huy hiệu quả các cơ chế phối hợp song phương với địa phương phía Trung Quốc trong quản lý, bảo vệ biên giới. Duy trì chế độ giao ban, trao đổi thông tin định kỳ và đột xuất giữa các lực lượng chức năng hai bên; kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc phát sinh theo quy định.

b) Chủ động nắm chắc tình hình, nâng cao năng lực dự báo và xử lý các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống. Phối hợp đấu tranh hiệu quả với tội phạm xuyên biên giới, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại, ma túy, mua bán người; đồng thời chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh kinh tế và an ninh mạng trong quá trình hội nhập quốc tế.

c) Duy trì quan hệ hợp tác truyền thống với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Tích cực tham gia có trách nhiệm vào các cơ

chế, chương trình giao lưu, hợp tác giữa địa phương hai nước đã được thiết lập nhằm thúc đẩy giao lưu nhân dân, hợp tác cụ thể trên các lĩnh vực: xây dựng cửa khẩu, tiện lợi hóa thông quan, du lịch, giao lưu văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo, truyền thông, nông nghiệp, y tế, quản lý lao động,....

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, Nhân dân và doanh nghiệp về đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến quốc phòng, an ninh, biên giới và xuất nhập cảnh. Phát huy vai trò của Nhân dân khu vực biên giới trong xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

6. Tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài, nâng cao hiệu quả thực hiện thỏa thuận quốc tế và tham gia hợp tác đa phương

a) Tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với địa phương, tổ chức nước ngoài đã có quan hệ hợp tác với tỉnh, như: Tỉnh Xiêng Khoảng, tỉnh Phong-sa-lỳ (Lào), thành phố Anseong, tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc), châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), thành phố Moriya, tỉnh Ibaraki (Nhật Bản), tỉnh Benguet (Philippines), bang Hessen, bang Mecklenburg - Vorpommern (Đức), ...thông qua các hoạt động hợp tác cụ thể, phù hợp, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông lâm nghiệp, thương mại, du lịch, giáo dục, đào tạo nghề, lao động. Tích cực phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, bộ, ngành Trung ương để tìm kiếm, lựa chọn, thiết lập quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài mới có tiềm năng thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ có điều kiện, đặc điểm tương đồng với tỉnh và các địa phương trong tỉnh để tiến tới thiết lập quan hệ hợp tác cấp địa phương.

b) Huy động hiệu quả nguồn lực từ các cơ quan phát triển của Liên hiệp quốc nhằm tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tích cực phối hợp thực hiện các cam kết đa phương trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, góp phần nâng cao mức độ hội nhập quốc tế của tỉnh. Khai thác tốt các cơ chế hợp tác song phương, cơ chế liên vùng, liên tỉnh với các đối tác nước ngoài; tích cực mở rộng hợp tác cấp địa phương, ký kết thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài phù hợp với nhu cầu thu hút đầu tư đối với từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

c) Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động đối ngoại đa phương ở cấp địa phương trong khu vực và trên thế giới; khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác đa phương trong khuôn khổ ASEAN, hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Liên Hợp

Quốc, mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và các cơ chế liên quan, phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) và các tổ chức phi chính phủ nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực về tài chính, tri thức, kinh nghiệm quốc tế; hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phối hợp giải quyết các vấn đề cấp bách như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, giảm nghèo và phát triển bền vững.

e) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các thỏa thuận quốc tế, văn bản hợp tác quốc tế của tỉnh đã ký kết với các địa phương, tổ chức nước ngoài; tiếp tục kết nối, trao đổi, đàm phán, ký kết mới các thỏa thuận quốc tế, biên bản hợp tác theo phương châm đa dạng hóa đối tác và lĩnh vực ưu tiên hợp tác đầu tư của tỉnh bảo đảm tuân thủ quy định hiện hành, phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương; vận động, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận quốc tế theo đúng quy định. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác theo dõi, thống kê tình hình thực hiện các thỏa thuận quốc tế, nâng cao hiệu quả rà soát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá và báo cáo hoạt động ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của tỉnh.

7. Phát triển cơ sở dữ liệu số về đối ngoại và hội nhập quốc tế; tăng cường thông tin, tuyên truyền đối ngoại; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

a) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, gắn với triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số của tỉnh; từng bước hiện đại hóa phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành, nâng cao tính kịp thời, chính xác và hiệu quả trong tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nền tảng số trong công tác thông tin đối ngoại; phát triển nội dung thông tin đối ngoại đa ngôn ngữ, đa nền tảng, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng thị trường mục tiêu; tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh, môi trường đầu tư, kinh doanh, du lịch và các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của tỉnh Tuyên Quang ra quốc tế.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và hợp tác quốc tế; đẩy mạnh tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trực tuyến; xây dựng và khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ kết nối, giới thiệu dự án, sản phẩm, dịch vụ của tỉnh với đối tác, nhà đầu tư trong và ngoài nước; qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận, nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư.

d) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình triển khai chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác đối ngoại; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh quốc gia và an toàn dữ liệu; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong sử dụng, quản lý và khai thác các hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh Tuyên Quang theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp; tạo chuyển biến thực chất trong công tác phối hợp triển khai hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, tư duy hội nhập, tầm nhìn phát triển và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về hội nhập quốc tế, pháp luật và thông lệ quốc tế; nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, tham mưu, tổ chức thực hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ đối ngoại, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia quản lý, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế.

c) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, phát huy vai trò điều phối của cơ quan đầu mối về đối ngoại của tỉnh. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, theo dõi, đánh giá hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm liên thông, đồng bộ, phục vụ hiệu quả công tác tổng hợp, dự báo, tham mưu, báo cáo, sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, thỏa thuận hợp tác quốc tế của tỉnh.

e) Nâng cao tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả công tác tham mưu của Sở Ngoại vụ với vai trò cơ quan đầu mối về đối ngoại; chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai công tác hội nhập quốc tế, tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới hợp tác quốc tế phù hợp; thúc đẩy mở rộng quan hệ kết nghĩa, hợp tác với các đối tác nước ngoài theo định hướng phát triển của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 83-NQ/TU và các nhiệm vụ cụ thể tại Biểu Phân công ban hành kèm theo Chương trình này (*có Biểu phân công nhiệm vụ kèm theo*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trong quá trình thực hiện; định kỳ tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của các cơ quan, đơn vị; làm căn cứ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu; tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết số 83-NQ/TU và Chương trình này theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động lồng ghép việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phân công vào kế hoạch công tác hằng năm và các chương trình, đề án có liên quan, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tăng cường phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 83-NQ/TU và Chương trình này theo quy định (qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp).

3. **Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh** đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 83-NQ/TU; phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác chỉ đạo, triển khai nghị quyết, chương trình, các chủ trương, cơ chế, chính sách có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị và các nguồn hợp pháp khác theo quy định./.

Nơi nhận

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Lưu: VT, NC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long

